CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS
DN: C=VN, S=Hải Dương, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0801210129
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2025.08.29 21:58:04+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.2.1

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Shape the future with confidence

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 34

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 16 do Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng cấp ngày 30 tháng 7 năm 2025.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý và kinh doanh các sản phẩm nhựa.

Vào ngày 28 tháng 7 năm 2020, Công ty đã chính thức được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là APH.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Công ty có văn phòng đại diện có địa chỉ tại Tầng 17, Tòa nhà PV Oil, số 148 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Tiện	Phó Chủ tịch thường trực	
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên	
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2025
Ông Lim Heon Young	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2025

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Nguyệt	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Hoa	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Tiện	Phó Tổng Giám đốc Thường trực
Ông Phạm Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hòa Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thoản	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Phạm Đỗ Huy Cường, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 29 tháng 8 năm 2025 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Phạm Đỗ Huy Cường
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, Việt Nam
Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 12111413/68696625/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings ("Công ty") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Đào Văn Thích
Giám đốc Cấp cao
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3732-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**8.708.499.657**	**6.246.882.134**
110	***I. Tiền***	***4***	***2.354.349.507***	***1.328.551.419***
111	1. Tiền		2.354.349.507	1.328.551.419
130	***II. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***6.119.780.115***	***4.427.054.221***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	20.642.686.952	20.020.851.503
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		204.414.594	9.936.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	25.813.303.216	25.969.695.156
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6	(40.540.624.647)	(41.573.428.438)
140	***III. Hàng tồn kho***		***31.636.899***	***23.657.556***
141	1. Hàng tồn kho		31.636.899	23.657.556
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***		***202.733.136***	***467.618.938***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		202.733.136	467.618.938
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**2.803.982.011.691**	**2.804.315.120.054**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***680.029.479***	***680.029.479***
216	1. Phải thu dài hạn khác		680.029.479	680.029.479
220	***II. Tài sản cố định***		***3.387.848.758***	***3.800.867.557***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	415.519.806	627.811.683
222	Nguyên giá		3.650.640.456	3.650.640.456
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.235.120.650)	(3.022.828.773)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	2.972.328.952	3.173.055.874
228	Nguyên giá		4.221.251.551	4.221.251.551
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.248.922.599)	(1.048.195.677)
250	***III. Đầu tư tài chính dài hạn***	***9***	***2.799.179.302.446***	***2.799.179.302.446***
251	1. Đầu tư vào công ty con		2.799.179.302.446	2.799.179.302.446
260	***IV. Tài sản dài hạn khác***		***734.831.008***	***654.920.572***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		734.831.008	654.920.572
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**2.812.690.511.348**	**2.810.562.002.188**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**341.803.568.139**	**389.376.231.357**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***14.774.773.614***	***3.402.094.366***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		66.135.640	33.072.654
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	10	3.140.000.000	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	173.200.763	756.130.389
314	4. Phải trả người lao động		993.335.954	1.270.256.866
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	815.069.739
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		35.000.000	14.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác		367.101.257	513.564.718
320	8. Vay ngắn hạn	12	10.000.000.000	-
330	***II. Nợ dài hạn***		***327.028.794.525***	***385.974.136.991***
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	28.028.794.525	17.474.136.991
338	2. Vay dài hạn	12	299.000.000.000	368.500.000.000
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**2.470.886.943.209**	**2.421.185.770.831**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***13.1***	***2.470.886.943.209***	***2.421.185.770.831***
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		2.438.842.680.000	2.438.842.680.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*2.438.842.680.000*	*2.438.842.680.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		28.504.818.180	28.504.818.180
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.539.445.029	(46.161.727.349)
421a	*- (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		*(46.161.727.349)*	*98.493.793.093*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ) kỳ này*		*49.701.172.378*	*(144.655.520.442)*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**2.812.690.511.348**	**2.810.562.002.188**

Hải Phòng, Việt Nam
Ngày 29 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS
AN PHAT HOLDINGS
MSDN: 0801210729

Hồ Thị Hòe
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Phạm Đỗ Huy Cường
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**14.1**	**16.081.431.724**	**16.873.229.066**
10	**2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**14.1**	**16.081.431.724**	**16.873.229.066**
11	**3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	**15**	**(4.719.123.181)**	**(3.825.054.775)**
20	**4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**11.362.308.543**	**13.048.174.291**
21	**5. Doanh thu hoạt động tài chính**	**14.2**	**58.109.723.841**	**7.121.427.634**
22	**6. Chi phí tài chính**	**16**	**(10.867.068.491)**	**(38.793.270.699)**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu (không bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)*		*(10.867.068.491)*	*(25.196.404.583)*
26	**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**17**	**(6.841.963.223)**	**(20.085.113.995)**
30	**8. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh**		**51.763.000.670**	**(38.708.782.769)**
31	**9. Thu nhập khác**		**32.274.897**	**8.191.780**
32	**10. Chi phí khác**		**(2.094.103.189)**	**(1.533.921.896)**
40	**11. Lỗ khác**		**(2.061.828.292)**	**(1.525.730.116)**
50	**12. Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước thuế**		**49.701.172.378**	**(40.234.512.885)**
51	**13. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**19.1**	**-**	**-**
60	**14. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN**		**49.701.172.378**	**(40.234.512.885)**

Hải Phòng, Việt Nam
Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Hồ Thị Hòe
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Phạm Đỗ Huy Cường
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế**		**49.701.172.378**	**(40.234.512.885)**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		413.018.799	436.266.134
03	(Hoàn nhập dự phòng)/các khoản dự phòng		(1.032.803.791)	251.366.048
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(506.163.202)	(1.318.286.990)
05	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(57.536.816.020)	6.661.899.429
06	Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)		10.867.068.491	26.421.950.879
08	**Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**1.905.476.655**	**(7.781.317.385)**
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(153.828.764)	16.421.141.792
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(7.979.343)	484.685.874
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		1.292.135.629	(3.940.117.926)
12	Giảm chi phí trả trước		184.975.366	658.340.150
14	Tiền lãi vay đã trả		(231.867.338)	(30.310.711.474)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh**		**2.988.912.205**	**(24.467.978.969)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		-	(435.421.598)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	68.000.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		57.536.816.020	27.266.391
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**57.536.816.020**	**67.591.844.793**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		-	350.866.871.572
34	Tiền trả nợ gốc vay		(59.500.000.000)	(394.193.018.798)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**(59.500.000.000)**	**(43.326.147.226)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**1.025.728.225**	**(202.281.402)**
60	**Tiền đầu kỳ**		**1.328.551.419**	**1.167.221.633**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		69.863	225.565
70	**Tiền cuối kỳ**	**4**	**2.354.349.507**	**965.165.796**

Hải Phòng, Việt Nam
Ngày 29 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS
AN PHAT HOLDINGS
MSDN: 0801210129

Hồ Thị Hòe
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Phạm Đỗ Huy Cường
Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương (nay là Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng) cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 16 do Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng cấp ngày 30 tháng 7 năm 2025.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý và kinh doanh các sản phẩm nhựa.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Vào ngày 28 tháng 7 năm 2020, Công ty đã chính thức được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là APH.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Công ty có văn phòng đại diện có địa chỉ tại Tầng 17, Tòa nhà PV Oil, số 148 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 56 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 53 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 13 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 18 công ty con) với chi tiết như sau:

STT	*Công ty*	*Địa chỉ*	*Tỷ lệ lợi ích (%)*	*Tỷ lệ biểu quyết (%)*	*Hoạt động chính*
I – Công ty sở hữu trực tiếp					
1	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh ("Công ty Nhựa An Phát Xanh")	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, Xã Nam Sách, Thành phố Hải Phòng	50,17	50,17	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa (PP, PE), các sản phẩm nhựa công nghiệp, bao bì nhựa các loại, và mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa và phát triển, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp.
II – Nhóm các công ty sở hữu gián tiếp					
2	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát ("Công ty An Phát Complex") (*)	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, Thành phố Hải Phòng	48,63	96,92	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp.
3	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 ("Công ty An Phát Complex 1") (*)	Khu công nghiệp An Phát 1, Km 72, Quốc lộ 37, Xã An Phú, Thành phố Hải Phòng	47,51	99,997	Phát triển và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 13 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 18 công ty con) với chi tiết như sau: (tiếp theo)

STT	*Công ty*	*Địa chỉ*	*Tỷ lệ lợi ích (%)*	*Tỷ lệ biểu quyết (%)*	*Hoạt động chính*
II – Nhóm các công ty sở hữu gián tiếp (tiếp theo)					
4	Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Vinh ("Công ty An Vinh") (*)	Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, Phường Việt Hòa, Thành phố Hải Phòng	50,15	99,95	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa
5	Công ty An Phat International, Inc. ("Công ty APA") (*)	Số 24 Greenway Plaza, tầng 18 căn hộ 1800-I Houston, thành phố Houston, bang Texas, Mỹ	50,17	99,999	Đầu tư, kinh doanh các sản phẩm màng mỏng và các sản phẩm nhựa khác.
6	Công ty AFC EcoPlastics, LLC ("Công ty AFC") (*)	Số 24 Greenway Plaza, tầng 18 căn hộ 1800-I Houston, thành phố Houston, bang Texas, Mỹ	43,90	87,5	Kinh doanh hạt nhựa.
7	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty Nhựa Hà Nội") (*)	Tổ 12, Phường Phúc Lợi, Thành phố Hà Nội	31,48	62,75	Sản xuất, kinh doanh nhựa kỹ thuật
8	Công ty TNHH An Trung Industries ("Công ty An Trung") (*)	Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km47 quốc lộ 5, Phường Việt Hòa, Thành phố Hải Phòng	31,48	100	Sản xuất, kinh doanh nhựa bao bì, nhựa kỹ thuật, nhựa gia dụng
9	Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư – VIEXIM ("Công ty VIEXIM") (*)	Thôn Hảo, Xã Nguyễn Văn Linh, Tỉnh Hưng Yên	31,48	100	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về nhựa.
10	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường ("Công ty An Cường") (*)	Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, Phường Việt Hòa, Thành phố Hải Phòng	31,45	99,86	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm nhựa nội thất
11	Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát ("Công ty PBAT") (*)	Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan và Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng	31,91	60,17	Sản xuất sản phẩm từ nhựa và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
12	Công ty Cổ phần Ankor Bioplastics ("Công ty Ankor") (*)	216, Munmakgongdangil, quận Munmak, thành phố Wonju, tỉnh Gangwon, Hàn Quốc	11,68	51	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, nhựa phân hủy
13	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Lương Điền Ngọc Liên (*)	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, Xã Nam Sách, Thành phố Hải Phòng	47,51	99,99	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp

(*) Công ty sở hữu các công ty con này gián tiếp thông qua Công ty Nhựa An Phát Xanh.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ*

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 9. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 29 tháng 8 năm 2025 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Công cụ dụng cụ - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bản cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	8 năm
Phương tiện vận tải	8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	18 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.13 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu liên quan đến hoạt động tư vấn và các dịch vụ có liên quan khác được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 *Thông tin theo bộ phận*

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý và kinh doanh các sản phẩm nhựa. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.18 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Tiền mặt	28.396.560	28.396.560
Tiền gửi ngân hàng	2.325.952.947	1.300.154.859
TỔNG CỘNG	**2.354.349.507**	**1.328.551.419**

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Công ty Gulf Polymers Distribution	5.279.781.192	3.416.258.593
Công ty Green Industria E Comercio De Plasticos	-	1.357.355.160
Phải thu từ các bên liên quan *(Thuyết minh số 20)*	15.362.905.760	15.247.237.750
TỔNG CỘNG	**20.642.686.952**	**20.020.851.503**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(14.985.905.760)	(16.197.386.362)

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
Phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư	16.529.788.153	(16.529.788.153)	16.529.788.153	(16.529.788.153)
Phải thu lại khoản tạm ứng mua hạt nhựa do hủy hợp đồng	9.024.930.734	(9.024.930.734)	8.846.253.923	(8.846.253.923)
Tạm ứng cho nhân viên	251.184.329	-	481.268.080	-
Phải thu khác	7.400.000	-	112.385.000	-
TỔNG CỘNG	**25.813.303.216**	**(25.554.718.887)**	**25.969.695.156**	**(25.376.042.076)**
Trong đó:				
Phải thu ngắn hạn khác	*16.567.284.432*	*(16.529.788.153)*	*16.727.750.233*	*(16.529.788.153)*
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 20)	*9.246.018.784*	*(9.024.930.734)*	*9.241.944.923*	*(8.846.253.923)*

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị, dụng cụ quản lý*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	118.500.000	1.794.420.000	1.737.720.456	3.650.640.456
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	118.500.000	1.794.420.000	1.737.720.456	3.650.640.456
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	-	-	*895.154.092*	*895.154.092*
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	109.739.919	1.460.106.351	1.452.982.503	3.022.828.773
- Khấu hao trong kỳ	7.406.250	112.062.204	92.823.423	212.291.877
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	117.146.169	1.572.168.555	1.545.805.926	3.235.120.650
Giá trị còn lại:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	8.760.081	334.313.649	284.737.953	627.811.683
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	1.353.831	222.251.445	191.914.530	415.519.806

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính	*Bản quyền, bằng sáng chế*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.628.033.798	2.593.217.753	4.221.251.551
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	1.628.033.798	2.593.217.753	4.221.251.551
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	*117.198.200*	-	*117.198.200*
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	713.530.762	334.664.915	1.048.195.677
- Khấu hao trong kỳ	128.645.448	72.081.474	200.726.922
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	842.176.210	406.746.389	1.248.922.599
Giá trị còn lại:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	914.503.036	2.258.552.838	3.173.055.874
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	785.857.588	2.186.471.364	2.972.328.952

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025				*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*			
	Tỷ lệ nắm giữ trực tiếp	*Giá gốc (VND)*	*Giá trị hợp lý (VND)*	*Dự phòng (VND)*	*Tỷ lệ nắm giữ trực tiếp*	*Giá gốc (VND)*	*Giá trị hợp lý (VND)*	*Dự phòng (VND)*
Đầu tư vào công ty con								
- Công ty Nhựa An Phát Xanh (i)	50,17%	2.799.079.302.446	1.463.337.816.220	-	50,17%	2.799.079.302.446	1.672.386.075.680	-
- Công ty An Cường (ii)	0,02%	100.000.000		-	0,02%	100.000.000		-
TỔNG CỘNG		**2.799.179.302.446**		**-**		**2.799.179.302.446**		**-**

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Nhựa An Phát Xanh được xác định theo giá đóng cửa phiên giao dịch tại các ngày cuối kỳ kế toán trên sàn chứng khoán HOSE. Các khoản đầu tư này được Công ty đầu tư với mục đích nắm giữ lâu dài, kết quả kinh doanh không bị lỗ, không có dấu hiệu mất vốn, do đó Công ty không trích lập dự phòng.

(ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư trên do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

10. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*
Người mua trả tiền trước nhận chuyển nhượng phần vốn góp trong hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
Trả trước từ bên liên quan	140.000.000	140.000.000	-	-
TỔNG CỘNG	**3.140.000.000**	**3.140.000.000**	**-**	**-**

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	*Số phải nộp trong kỳ*	*Số đã nộp trong kỳ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*
Thuế giá trị gia tăng	563.535.851	1.072.351.202	(1.499.816.180)	136.070.873
Thuế thu nhập cá nhân	192.594.538	723.029.346	(878.493.994)	37.129.890
Thuế, phí khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
TỔNG CỘNG	**756.130.389**	**1.798.380.548**	**(2.381.310.174)**	**173.200.763**

12. VAY

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	*Phát sinh trong kỳ*		*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*
	Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)*
Vay ngắn hạn				
Vay đối tượng khác dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 12.1)*	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
TỔNG CỘNG	**-**	**10.000.000.000**	**-**	**10.000.000.000**
Vay dài hạn				
Vay bên liên quan *(Thuyết minh số 20)*	358.500.000.000	-	(59.500.000.000)	299.000.000.000
Vay đối tượng khác	10.000.000.000	-	(10.000.000.000)	-
TỔNG CỘNG	**368.500.000.000**	**-**	**(69.500.000.000)**	**299.000.000.000**

12.1 Vay đối tượng khác

Khoản vay tín chấp với một cá nhân đáo hạn vào ngày 19 tháng 2 năm 2026 với lãi suất cố định 6%/năm, lãi trả định kỳ sáu tháng/lần.

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

13.1 Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024				
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2024	2.438.842.680.000	28.504.818.180	98.493.793.093	2.565.841.291.273
- Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(40.234.512.885)	(40.234.512.885)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	2.438.842.680.000	28.504.818.180	58.259.280.208	2.525.606.778.388
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025				
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2025	2.438.842.680.000	28.504.818.180	(46.161.727.349)	2.421.185.770.831
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	49.701.172.378	49.701.172.378
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	2.438.842.680.000	28.504.818.180	3.539.445.029	2.470.886.943.209

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

13.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	2.438.842.680.000	2.438.842.680.000
Số cuối kỳ	2.438.842.680.000	2.438.842.680.000

13.3 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Cổ phiếu đăng ký phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	243.884.268	243.884.268
Cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	243.884.268	243.884.268
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	243.884.268	243.884.268

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 10.000 VND/cổ phần).

14. DOANH THU

14.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Tổng doanh thu	**16.081.431.724**	**16.873.229.066**
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	*-*	*1.958.152.500*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*16.001.431.724*	*14.877.076.566*
Doanh thu bán thành phẩm	*80.000.000*	*-*
Doanh thu khác	*-*	*38.000.000*
Các khoản giảm trừ doanh thu	**-**	**-**
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	**16.081.431.724**	**16.873.229.066**
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	*4.273.731.724*	*3.078.761.432*
Doanh thu đối với bên liên quan	*11.807.700.000*	*13.794.467.634*

14. DOANH THU (tiếp theo)

14.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Cổ tức, lợi nhuận được chia	57.536.218.200	5.580.154.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	572.907.821	1.514.007.243
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	597.820	27.266.391
TỔNG CỘNG	**58.109.723.841**	**7.121.427.634**

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Giá vốn dịch vụ cung cấp	4.656.298.361	1.836.306.767
Giá vốn thành phẩm	62.824.820	-
Giá vốn hàng bán	-	1.950.750.000
Giá vốn khác	-	37.998.008
TỔNG CỘNG	**4.719.123.181**	**3.825.054.775**

16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Chi phí lãi vay	10.867.068.491	25.196.404.583
Lỗ chuyển nhượng cổ phiếu	-	12.269.319.820
Chi phí phát hành trái phiếu phân bổ	-	1.225.546.296
Chi phí tài chính khác	-	102.000.000
TỔNG CỘNG	**10.867.068.491**	**38.793.270.699**

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Chi phí nhân viên quản lý	3.590.028.133	13.384.355.643
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.945.692.592	5.414.297.434
Chi phí khấu hao và hao mòn	385.804.947	427.341.161
(Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng	(1.032.803.791)	251.366.048
Chi phí bằng tiền khác	953.241.342	607.753.709
TỔNG CỘNG	**6.841.963.223**	**20.085.113.995**

18. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Chi phí nhân viên	7.871.116.275	15.198.767.888
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.239.424.892	5.465.264.991
Chi phí khấu hao và hao mòn	413.018.799	436.266.134
(Hoàn nhập dự phòng)/ dự phòng	(1.032.803.791)	251.366.048
Chi phí bằng tiền khác	1.070.330.229	607.753.709
TỔNG CỘNG	**11.561.086.404**	**21.959.418.770**

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

19.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Tổng lỗ kế toán trước thuế	**49.701.172.378**	**(40.234.512.885)**
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	9.940.234.476	(8.046.902.577)
Điều chỉnh cho:		
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	-	5.033.827.638
Chi phí lãi vay năm trước chuyển sang	(1.609.255.274)	-
Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận liên quan đến lỗ tính thuế	2.747.745.542	3.757.467.974
Doanh thu hoa hồng kỳ trước đã xuất hóa đơn trong kỳ này	411.417.188	452.390.400
Các khoản chi phí không được khấu trừ thuế	418.820.638	306.823.081
Thu nhập từ hoạt động không chịu thuế TNDN	(11.507.243.640)	(1.116.030.800)
Chênh lệch tỷ giá	(95.550.614)	-
Thu nhập tính thuế kì sau	(306.168.316)	(387.575.716)
Chi phí thuế TNDN	**-**	**-**

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

19.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

19.3 *Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước*

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm/giai đoạn tài chính phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ tính thuế (*)*	*Đã chuyển lỗ đến ngày 30/06/2025*	*Không được chuyển lỗ*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/06/2025*
2023	2028	13.989.506.409	-	-	13.989.506.409
2024	2029	73.870.775.215	-	-	73.870.775.215
2025	2030	13.738.727.710	-	-	13.738.727.710
TỔNG CỘNG		**101.599.009.334**	**-**	**-**	**101.599.009.334**

(*) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương kiểm tra vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

19.4 *Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định*

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	*Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 30/6/2025*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 30/6/2025*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 30/6/2025*
2020	2025	14.030.540.484	(8.046.276.371)	-	5.984.264.113
2021	2026	15.336.672.508	-	-	15.336.672.508
2022	2027	6.083.874.325	-	-	6.083.874.325
2023	2028	67.600.281.196	-	-	67.600.281.196
2024	2029	40.399.299.355	-	-	40.399.299.355
TỔNG CỘNG		**143.450.667.868**	**(8.046.276.371)**	**-**	**135.404.391.497**

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

19.4 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định (tiếp theo)

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản chi phí lãi vay không được khấu trừ nêu trên do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được khấu trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Nhựa An Phát Xanh	Công ty con
Công ty Cổ phần An Tiến Industries	Công ty con (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty liên kết (kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)
Công ty An Phát Complex	Công ty con
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con
An Thanh Bicsol Singapore PTE. Ltd.	Công ty con (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Bên liên quan khác (kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	Công ty con (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Bên liên quan khác (kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần Liên vận An Tín	Công ty con (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Bên liên quan khác (kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)
Công ty An Vinh	Công ty con
Công ty APA	Công ty con
Công ty AFC	Công ty con
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty con
Công ty An Trung	Công ty con
Công ty VIEXIM	Công ty con
Công ty VMC	Công ty con (đến ngày 26 tháng 5 năm 2025)
Công ty An Cường	Công ty con
Công ty PBAT	Công ty con
Công ty Ankor	Công ty con
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Lương Điền Ngọc Liên	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam	Công ty liên kết (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Bên liên quan khác (kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xăng dầu An Đông	Công ty liên kết (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn công nghiệp An Phát	Công ty liên kết (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Bên liên quan khác (kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ Phần mềm Nam Việt	Công ty liên kết (đến ngày 28 tháng 4 năm 2025)
Công ty Cổ phần Anbio	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt

Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát được trình bày ở phần Thông tin chung.

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.290.000.000	2.955.333.334
		Đi vay	-	13.500.000.000
		Trả gốc vay	-	13.500.000.000
Công ty Nhựa An Phát Xanh	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.086.700.000	1.662.981.800
		Cổ tức	57.536.218.200	-
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.871.000.000	1.461.000.000
		Cổ tức được chia	-	5.580.154.000
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	Công ty con (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Bên liên quan khác (kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	900.000.000	2.746.152.500
Công ty Cổ phần Liên vận An Tín	Công ty con (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Bên liên quan khác (kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)	Trả gốc vay	-	14.000.000.000
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.290.000.000	1.122.000.000
		Chi phí lãi vay	10.554.657.534	6.245.342.468
		Đi vay	-	323.500.000.000
		Trả gốc vay	59.500.000.000	44.000.000.000
Công ty PBAT	Công ty con	Chi phí lãi vay	-	260.659.137
		Trả gốc vay	-	12.795.000.000

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và đi vay với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 không cần bảo đảm, không có lãi suất (ngoại trừ các khoản vay) và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng *(Thuyết minh số 5)*				
Công ty Ankor	Công ty con	Phải thu bán hàng hóa	14.985.905.760	15.247.237.750
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	Công ty con (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Bên liên quan khác (kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)	Phải thu bán hàng hóa	162.000.000	-
Công ty Cổ phần Liên vận An Tín	Công ty con (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Bên liên quan khác (kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)	Phải thu bán hàng hóa	135.000.000	-
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty con	Phải thu bán hang hóa	80.000.000	-
TỔNG CỘNG			**15.362.905.760**	**15.247.237.750**
Phải thu ngắn hạn khác *(Thuyết minh số 6)*				
Công ty Ankor	Công ty con	Phải thu lại khoản ứng trước do hủy hợp đồng	9.024.930.734	8.846.253.923
Các cá nhân	Thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	Tạm ứng	221.088.050	395.691.000
TỔNG CỘNG			**9.246.018.784**	**9.241.944.923**

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
***Phải trả dài hạn khác** (Mã số 337)*				
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con	Lãi vay	28.028.794.525	17.474.136.991
TỔNG CỘNG			**28.028.794.525**	**17.474.136.991**

***Vay dài hạn** (Thuyết minh số 12)*

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025 (VND)*	*Lãi suất (%/năm)*	*Ngày đáo hạn*	*Hình thức đảm bảo*
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con	299.000.000.000	6%	Từ tháng 9 năm 2026 đến tháng 3 năm 2027	Tín chấp
TỔNG CỘNG		**299.000.000.000**			

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

Tên	*Chức vụ*	*Thu nhập*	
		Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Chủ tịch HĐQT	90.000.000	50.000.000
Bà Nguyễn Thị Tiện	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Thường trực	764.453.750	1.649.210.000
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	788.896.667	1.691.967.084
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2025)	20.000.000	-
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 9 tháng 10 năm 2024)	-	90.000.000
Ông Nirav Sudhir Patel	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024)	-	50.000.000
Ông Lim Heon Young	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2025)	40.000.000	60.000.000
TỔNG CỘNG		**1.763.350.417**	**3.651.177.084**

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

***Các giao dịch với các bên liên quan khác** (tiếp theo)*

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát	66.000.000	66.000.000
	66.000.000	**66.000.000**

21. CÁC CAM KẾT

Cam kết về thuê hoạt động

Công ty thuê văn phòng và ô tô theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số tiền cam kết thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động ước tính như sau:

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Đến 1 năm	2.800.594.044	2.800.594.044
Trên 1 đến 5 năm	2.421.894.284	3.494.831.306
TỔNG CỘNG	**5.222.488.328**	**6.295.425.350**

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Khoản mục	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Ngoại tệ các loại		
Yên Nhật (JPY)	81.000	81.000
Đô la Mỹ (USD)	386,04	441,88
Dirham (DIR)	1.680	1.680

23. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Hồ Thị Hòe	Phạm Đỗ Huy Cường
Người lập kiêm Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn